TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. K - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải
Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-DS ngày 24/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 225/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : **Ông Nguyễn D**; sinh năm 1977; Địa chỉ thường trú: 320 Phạm Cự Lượng, phường A, quận S, TP. Đ. Có mặt

* Bị đơn : **Ông Trần Trọng H,** sinh năm 1982 và **bà Nguyễn Thị H1,** sinh năm 1985, cùng địa chỉ: tổ 149 (cũ) nay là tổ 70 mới, phường C, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn D trình bày:***

Ông và vợ chồng của ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 có quen biết do đó vợ chồng ông H, bà H1 có nhờ ông cho vay tiền dể giải quyết việc cá nhân nên ông đồng ý. Ngày 22/06/2022, ông H và bà H1 thống nhất ký hợp đồng vay tài sản vay của ông số tiền 500.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/7/2022 với lãi suất thỏa thuận là 1.66%/ tháng; lãi phạt 0.2%/ngày nếu đến thời hạn trả mà ông H và bà H1 không thanh toán được nợ. Ngoài ra ông H và bà H1 còn cam

kết giao Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 64, địa chỉ Khu đô thị sinh thái ven sông X giai đoạn 2, phường X, quận C, TP. Đ tuy nhiên QSD đất này ông H và bà H1 đang thế chấp tại khoản vay của Ngân hàng B - chi nhánh V (nếu muốn xóa thế chấp thì phải trả hết khoản vay của ông D).

Sau khi khi ký hợp đồng, ông H và bà H1 đã nhận đủ tiền tại biên bản bàn giao tiền ngày 22/6/2022. Tuy nhiên chưa đến hạn trả tiền ngày 22/7/2022, vợ chồng ông H và bà H1 tiếp tục có vay thêm của ông một số khoản tiền khác nên hai bên thống nhất lập lại nội dung vay vào ngày 28/7/2022 tại mặt sau của tờ biên bản bàn giao tiền với các khoản vay được ghi nhận cụ thể:

- Khoản 500.000.000đồng, vay từ ngày 22/6/2022, cam kết trả vào ngày 20/9/2022, mức lãi suất 1.66%/tháng
- Khoản 300.000.000đồng, vay từ ngày 25/6/2022, cam kết trả vào ngày 20/9/2022, lãi suất 1.66%/tháng
- Khoản 100.000.000đồng, vay từ ngày 18/7/2022, cam kết trả vào ngày 05/8/2022,lãi suất 1.66%/tháng
- Khoản 100.000.000đồng, vay từ ngày 28/7/2022, cam kết trả vào ngày 28/8/2022, lãi suất 1.66%/tháng.

Tổng số tiền vay là 1.000.000.000đồng. Trong đó khoản vay 100.000.000đồng ngày 18/7/2023, sau vài ngày ông H và bà H1 có trả 50.000.00 đồng cho ông nên khoản vay gốc tổng còn lại là 950.000.000đồng. Số tiền vay còn lại ông H và bà H1 sau đó không thực hiện cam kết mặc dù ông đã nhiều lần đòi nợ. Sau đó, ông H và bà H1 khóa liên lạc và trốn tránh nên tìm kiếm và biết được thông tin ông H và bà H1 không ở quận K chuyển đến quận C, ông có khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận C để đòi nợ. Tòa án nhân dân quận C chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân quận K vì vậy ông đề nghị Tòa án quận K xét xử buộc vợ chồng ông H và bà H1 trả tiền vay và tiền lãi theo cam kết tại giấy vay cụ thể:

Về tiền vay là 950.000.000 đồng

Về tiền lãi được tính như sau:

- Khoản vay 500.000.000đồng tính lãi từ ngày 22/6/2023 đến ngày 29/9/2023 là 15 tháng 7 ngày :

500.000.000 x 15 tháng 7 ngày x 1.66% = 126.436.667đồng

- Khoản vay 300.000.000đồng tính lãi từ ngày 25/6/2023 đến ngày 29/9/2023 là 15 tháng 4 ngày :

300.000.000 x 15 tháng 4 ngày x 1.66% = 75.364.00đồng

- Khoản vay 100.000.000đồng (đã trả 50.000.000đ) còn lại 50.000.000đ tính lãi từ ngày 18/7/2023 đến ngày 29/9/2023 là 14 tháng 11 ngày:

50.000.000 x 14 tháng 11 ngày x 1.66% = 11.924.333đồng

- Khoản vay 100.000.000đồng tính lãi từ ngày 28/7/2023 đến ngày 29/9/2023 là 14 tháng 11 ngày:

100.000.000 x 11 tháng 11 ngày x 1.66% = 23.848.667đồng

Tổng nợ lãi tính đến ngày 10/01/2013 là 237.575.667đồng

Tổng tiền vay và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 1.187.575.667đồng

- Đối với thỏa thuận về tài sản bảo đảm: tại hợp đồng vay số 2206/HDDV ngày

22/6/2022, vợ chồng ông H và bà H1 có cam kết giao cho QSD đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 64, địa chỉ khu đô thị sinh thái ven sông X, giai đoạn 2, phường X , quận C, TP. Đ để đảm bảo khoản vay tuy nhiên QSD đất này ông H và bà H1 có thế chấp cho Ngân hàng B- chi nhánh V vì vậy không có thủ tục đến công chứng thế chấp hợp lệ nên tại vụ án này ông không yêu cầu xem xét về tài sản bảo đảm.

* Bị đơn ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Đ phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Nguyễn D đối với ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Buộc ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà ông Nguyễn D tổng tiền vay tính đến ngày 29/9/2023 là 1.187.575.667 đồng. Trong đó: tiền vay là 950.000.000đồng và lãi 237.575.667đồng

- Về tài sản thế chấp hai bên ghi nhận tại Hợp đồng vay QSD đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 64, địa chỉ khu đô thị sinh thái ven sông X, giai đoạn 2, phường X, quận C, TP. Đ để đảm bảo khoản vay tuy nhiên (QSD đất này ông H và bà H1 có thể chấp cho Ngân hàng B- chi nhánh V ông D không yêu cầu xem xét về tài sản bảo đảm là quyền ông D nên không xem xét.

Về án phí: ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu nghĩa vụ án phí trên giá trị nguyên đơn tranh chấp được Tòa án cháp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn D khởi kiện ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 có địa chỉ cư trú cuối cùng tại tổ 149 (cũ) nay là tổ 70 mới, phường C, quận K, thành phố Đ về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận K, TP. Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn trong quá trình tố tụng đã được bảo đảm đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và có mặt tại phiên tòa xét xử.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai đã được Tòa án thông báo hợp lệ nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ chứng cứ nguyên đơn xuất trình xác nhận ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 có vay của ông Nguyễn D khoản tiền như sau:

- Ngày 22/6/2022, ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 vay 500.000.000đồng, cam kết trả vào ngày 22/7/2022, lãi suất 1.66%/tháng
- Ngày 25/6/2022, ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 vay 300.000.000đồng, cam kết trả vào ngày 20/9/2022, lãi suất 1.66%/tháng
- Ngày 18/7/2022, ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 vay 100.000.000đồng, cam kết trả vào ngày 05/8/2022, lãi suất 1.66%/tháng
- Ngày 28/7/2022, ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 vay 100.000.000đồng, cam kết trả vào ngày 28/8/2022, lãi suất 1.66%/tháng.

Tổng số tiền vay là 1.000.000.000đồng. Khoản vay ngày 18/7/2022, ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 trả cho ông D 50.000.000đồng còn lại 50.000.000đồng như vậy tổng tiền vay còn lại 950.000.000đồng

Đến thời hạn trả nợ, ông H bà H1 trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên ông D khởi kiện đến Tòa án để đòi lại toàn bộ gốc và lãi trong đó lãi tính từ ngày ký vay của từng khoản tiền đến ngày xét xử ngày 29/9/2023với mức lãi suất 1.66%/tháng. 1.187.573.667 đồng. Trong đó: tiền gốc là 950.000.000đồng và lãi 237.575.667đồng.

[**2.1**] Xét yêu cầu của ông Nguyễn D buộc ông H và bà H1 trả số tiền gốc 950.000.000đồng. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của ông H và bà H1 tuy nhiên căn cứ các chứng cứ gốc gồm Hợp đồng cho vay tiền số 2206/HĐVT ngày 22/6/2022, Biên bản bàn giao tiền ngày 22/6/2022 và phụ lục viết tay ngày 28/07/2022 có chữ ký, chữ viết của ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 thì thấy tổng số tiền ông H và bà H1 vay của ông D là 1.000.0000đồng. Riêng khoản vay 100.000.00đ ngày 18/7/2022 ông H và bà H1 đã trả 50.000.000đồng cho ông D còn lại 50.000.000đồng. Như vậy số tiền vay gốc còn lại là 950.000.000.000đồng. Ông D khởi kiện để đòi số tiền gốc 950.000.000đồng là có cơ sở.

[**2.2**] Xét yêu cầu của ông D buộc vợ chồng ông H, bà H1 trả trả số tiền lãi vay đối với các khoản vay theo mức lãi suất 1.66%/tháng.

Tiền lãi của từng khoản vay được ông D tính như sau :

- Khoản vay 500.000.000đồng tính lãi từ ngày 22/6/2023 đến ngày 29/9/2023 là 15 tháng 7 ngày :

500.000.000x 15 tháng 7 ngày x 1.66% = 126.436.667đồng

- Khoản vay 300.000.000đồng tính lãi từ ngày 25/6/2023 đến ngày 29/9/2023 là 15 tháng 4 ngày :

300.000.000x 15 tháng 4 ngày x 1.66% = 75.364.00đồng

- Khoản vay 100.000.000đồng (đã trả 50.000.000đ) còn lại 50.000.000đ tính lãi từ ngày 18/7/2023 đến ngày 29/9/2023 là 14 tháng 11 ngày:

50.000.000x 14 tháng 11 ngày x 1.66% = 11.924.333đồng

- Khoản vay 100.000.000đồng tính lãi từ ngày 28/7/2023 đến ngày 29/9/2023 là 14 tháng 11 ngày:

100.000.000x 11 tháng 11 ngày x 1.66% = 23.848.667đồng

Tổng nợ lãi tính đến ngày 10/01/2013 là 237.575.667đồng

Xét thấy: Tại Điều 2, Điều 3 Hợp đồng cho vay tiền số 2206/HĐVT

ngày 22/6/2022 và bản phụ lục viết tay ngày 28/07/2022 các bên thỏa thuận lãi vay là 1.66%/tháng, thời hạn tính từ ngày vay. Các khoản vay, vợ chồng ông H và bà H1 đều vi phạm cam kết thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi kể từ ngày vay. Như vậy cách tính lãi của ông D đối với các khoản vay như liệt kê là phù hợp với thỏa thuận của các bên, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích tại nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D đối với vợ chồng ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1. Buộc ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 trả cho ông Nguyễn D tổng tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 1.187.575.667 đồng.Trong đó: tiền vay là 950.000.000đồng và lãi 237.575.667đồng

[2.4] Xét thỏa thuận về tài sản bảo đảm: tại hợp đồng vay số 2206/HDDV ngày 22/6/2022, vợ chồng ông H và bà H1 có cam kết giao cho QSD đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 64, địa chỉ khu đô thị sinh thái ven sông X, giai đoạn 2, phường X, quận C, TP. Đ để đảm bảo khoản vay tuy nhiên QSD đất này ông H và bà H1 có thể chấp cho Ngân hàng B - chi nhánh V vì vậy không có thủ tục đến công chứng thế chấp hợp lệ nên tại vụ án này, ông D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 47.627.210 đồng.

- Hoàn trả ông Nguyễn D số tiền tạm ứng án phí 21.763.500 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0009316 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, TP. Đ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D đối với ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Tuyên xử:

1. Buộc Ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho ông Nguyễn D số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là **1.187.575.667**đồng *(một tỷ, một trăm tám mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*. Trong đó: Tiền gốc là **950.000.000**đồng và tiền lãi là **237.575.667**đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Trọng H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 47.627.210 đồng *(bốn mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm mười đồng)*.

- Hoàn trả ông Nguyễn D số tiền tạm ứng án phí 21.763.500 đồng *(hai mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0009316 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, TP. Đ.

3. Án xử công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29.9.2023; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận K;*
- *Chi cục THADS Q. K;*
- *Chi cục THADS Q. C*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân